

Số: 01/2025/QĐST-HNGĐ

Lào Cai, ngày 20 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH

**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LÀO CAI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Vũ Dũng

Thư ký phiên họp: Ông Hoàng Đức Định

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lào Cai tham gia phiên họp:
Ông Hà Chí K - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc “*Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/ 2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Đinh Thị P

Địa chỉ: Thôn A, xã Y, tỉnh Lào Cai

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Đỗ Thị C.

Địa chỉ: Thôn A, xã Y, tỉnh Lào Cai.

(Các đương sự đều có đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu ngày 29-10-2025 và các bản tự khai, người yêu cầu giải quyết việc dân sự là bà Đinh Thị P trình bày:

Bà nhận cháu Đỗ Thị C làm con nuôi từ tháng 9-2011 do thấy cháu là trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Đến tháng 05-2012 thì hoàn tất thủ tục đăng ký nhận nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật. Trong quá trình nuôi dưỡng, bà đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm của người mẹ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo Luật Bảo vệ, chăm sóc và Giáo dục trẻ em. Cháu Đỗ Thị C đã được bà nuôi dưỡng, tạo điều kiện học tập, đến nay đã trưởng thành, có trình độ và sức khỏe để tự nuôi sống bản thân. Vì vậy bà đề nghị Tòa án tuyên bố chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa bà với cháu Đỗ Thị C.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản riêng giữa bà với cháu Đỗ Thị C không có, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04-11-2025, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đỗ Thị C trình bày:

Chị được bà Đinh Thị P nhận làm con nuôi theo quy định của pháp luật từ năm 2011. Đến nay chị đã 19 tuổi nên nhất trí chấm dứt việc nuôi con nuôi theo yêu cầu của bà Đinh Thị P.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản riêng giữa chị với bà Đinh Thị P không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên họp: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc giải quyết việc dân sự.

Đương sự chấp hành tốt quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Các đương sự đều có đề nghị giải quyết vắng mặt, nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung việc dân sự: Qua trình bày của bà Đinh Thị P và chị Đỗ Thị C tại các bản tự khai, thể hiện các đương sự đều tự nguyện chấm dứt mối quan hệ nhận nuôi con nuôi. Vì vậy đề nghị Tòa án căn cứ vào các Điều 369, 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 20 Bộ luật Dân sự; Điều 10, 25, 27 Luật Nuôi con nuôi để chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Đinh Thị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự tại các bản tự khai và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lào Cai nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Đinh Thị P có yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi với chị Đỗ Thị C, có địa chỉ nơi cư trú tại xã Y, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào Điều 10 Luật Nuôi con nuôi; khoản 5 Điều 29, Điều 35 điểm 1 khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lào Cai.

[1.2] Các đương sự đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt tại phiên họp, nên Tòa án căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ Giấy chứng nhận nuôi con nuôi số 01, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Yên Bái (Nay là tỉnh Lào Cai) thể hiện: Chị Đỗ Thị C sinh ngày 15-8-2006 là con nuôi của bà Đinh Thị P, được công nhận nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 21-5-2012. Tính đến thời điểm bà Đinh Thị P nộp đơn yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi là ngày 29-10-2025 thì chị Đỗ Thị C đã trên

18 tuổi (*19 tuổi 02 tháng 14 ngày*). Nên theo quy định tại Điều 20 Bộ luật Dân sự, chị Đỗ Thị C là người thành niên và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

[2.2] Căn cứ lời khai của bà Đinh Thị P và chị Đỗ Thị C thể hiện các đương sự đều tự nguyện chấm dứt việc nuôi con nuôi.

Từ các nội dung trên, có căn cứ để khẳng định yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của bà Đinh Thị P là phù hợp với quy định tại Điều 25 Luật Nuôi con nuôi nên cần được chấp nhận.

[3] Các đương sự đều không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung và tài sản riêng. Nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Đinh Thị P phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 361, 367, 369, 370 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 10, 25, 27 Luật Nuôi con nuôi; Điều 20 Bộ luật Dân sự; Điều 78 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35, khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa mẹ nuôi bà Đinh Thị P với con nuôi là chị Đỗ Thị C. Quyền và nghĩa vụ giữa mẹ nuôi là bà Đinh Thị P với con nuôi là chị Đỗ Thị C chấm dứt kể từ ngày quyết định chấm dứt nuôi con nuôi của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Lệ phí giải quyết sơ thẩm việc dân sự: Bà Đinh Thị P phải chịu 300.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai số: 0001632 ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Xác nhận bà Đinh Thị P đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND; VKSND tỉnh Lào Cai
- VKSND Khu vực 2- Lào Cai;
- THA Dân sự khu vực 2 – Lào Cai
- UBND xã Y
- Các đương sự, Niêm yết
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, tập QĐ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Vũ Dũng

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh
- VKS khu vực 2 – Lào Cai;

UBND xã Yên Bình

- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP ⁽²⁴⁾**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của

người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần X).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tạilà người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng..... năm.....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn L nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”